



THÔNG BÁO

**KẾT QUẢ KIỂM TRA, SÁT HẠCH VÀ ĐIỂM HỌC TẬP, ĐIỂM TỐT NGHIỆP, ĐIỂM TÍN CHỈ CỦA THÍ SINH
THAM GIA XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NGÀNH Y TẾ NĂM 2016
CHỨC DANH: BÁC SĨ (HẠNG III) - MÃ SỐ: V.08.01.03**

Tại Hội đồng tuyển dụng: Sở Y tế Thái Bình

STT	Số báo danh	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Tháng sinh	Năm sinh	Đơn vị tuyển dụng	Quê quán (trú quán)	Trường đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Tốt nghiệp loại	Điểm trung bình các môn học toàn khóa	Điểm trung bình tốt nghiệp	Tổng điểm quy đổi	Điểm học tập theo tín chỉ	Tổng điểm quy đổi theo tín chỉ	Điểm thực hành	Tổng điểm thực hành	Đổi tương ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
1	BS.155	Vũ Quang	Trung	09	6	1991	Bệnh viện Nhi	Xã Đông Lĩnh, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Đại học y dược Thái Bình	Bác sĩ đa khoa	Chính quy	Giỏi	8,04	9,23	172,70			97	194,00	Không	366,70	
2	BS.76	Đoàn Duy	Khánh	02	11	1990	Bệnh viện Nhi	Xã Hồng Minh, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	Đại học y dược Thái Bình	Bác sĩ đa khoa	Chính quy	Giỏi	8,05	9,23	172,80			96	192,00	Không	364,80	
3	BS.68	Phạm Thị Thu	Huyền	18	11	1991	Bệnh viện Nhi	Thị trấn Hưng Nhân, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	Đại học y dược Thái Bình	Bác sĩ đa khoa	Chính quy	Khá	7,45	9,03	164,80			97,33	194,66	Không	359,46	
4	BS.56	Đặng Huy	Hoàng	04	6	1992	Bệnh viện Nhi	Xã An Ninh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình	Đại học y dược Thái Bình	Bác sĩ đa khoa	Chính quy	Khá	7,54	8,53	160,70			97	194,00	Không	354,70	
5	BS.37	Nguyễn Ngọc	Hà	06	9	1991	Bệnh viện Nhi	Xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Đại học y dược Thái Bình	Bác sĩ đa khoa	Chính quy	Khá	7,67	8,53	162,00			96	192,00	Con bệnh binh 61%	354,00	
6	BS.03	Nguyễn Thị Lan	Anh	19	9	1991	Bệnh viện Nhi	Xã Quang Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Đại học y dược Thái Bình	Bác sĩ đa khoa	Chính quy	Khá	7,05	8,53	155,80			98,17	196,34	Không	352,14	

STT	Số báo danh	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Tháng sinh	Năm sinh	Đơn vị tuyển dụng	Quê quán (trú quán)	Trường đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Tốt nghiệp loại	Điểm trung bình các môn học toàn khóa	Điểm trung bình tốt nghiệp	Tổng điểm quy đổi	Điểm học tập theo tín chỉ	Tổng điểm quy đổi theo tín chỉ	Điểm thực hành	Tổng điểm thực hành	Đổi tương ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
15	BS.124	Lê Ngọc	Tuân	07	01	1991	Bệnh viện Nhi	Xã Vũ Ninh, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Đại học y dược Thái Bình	Bác sĩ đa khoa	Chính quy	Khá	7,12	7,93	150,50			96	192,00	Không	342,50	
16	BS.31	Hà Hải	Đăng	22	7	1991	Bệnh viện Nhi	Xã Đông Hòa, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Đại học y dược Thái Bình	Bác sĩ đa khoa	Chính quy	Trung bình khá	6,57	7,60	141,70			94,67	189,34	Không	331,04	
17	BS.60	Nguyễn Thị Mai	Hồng	16	9	1990	Bệnh viện Nhi	Xã An Hiệp, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Đại học y dược Thái Bình	Bác sĩ đa khoa	Chính quy	Trung bình khá	6,77	7,60	143,70			93,67	187,34	Con thương binh 2/4	331,04	
18	BS.104	Nguyễn Như	Nga	14	5	1986	Bệnh viện Nhi	Xã Thanh Lĩnh, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Đại học y dược Thái Bình	Bác sĩ đa khoa	Chính quy	Trung bình khá	6,44	7,30	137,40			96,67	193,34	Không	330,74	
19	BS.13	Phạm Quỳnh	Chi	13	12	1992	Bệnh viện Nhi	Xã Thụy Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Đại học y dược Thái Bình	Bác sĩ đa khoa	Chính quy	Khá				6,99	139,80	93	186,00	Không	325,80	

Thái Bình, ngày 02 tháng 11 năm 2016
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

THƯ KÝ

Tu

Đàm Văn Tính



Trần Quang Hải